TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Út;

Bà Lê Thị Vân;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm: 1980; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 1978; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 14/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Do mai mối chị và anh Huỳnh Ngọc T tiến tới hôn nhân vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về tài chính và do anh T không chung thủy. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2018 đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Theo bản tự khai ghi ngày 20/3/2019, biên bản hòa giải ngày 09/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Ngọc T trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị Trần Thị N về quá trình tiến tới hôn nhân. Anh thừa nhận vợ chồng anh thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về tài chính. Nhưng anh rất thương chị N và luôn chung thủy với chị N.

Nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn anh Huỳnh Ngọc T cư trú: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Huỳnh Ngọc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Trần Thị N và anh Huỳnh Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Trần Thị N và anh Huỳnh Ngọc T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị N và anh Huỳnh Ngọc T chung sống như vợ chồng vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c Mục 3 Nghị quyết

35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị N và anh Huỳnh Ngọc T.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị N và anh Huỳnh Ngọc T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị N và anh Huỳnh Ngọc T.

2. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16504 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên xem thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thúy

.